

**THÔNG BÁO CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2019**  
**CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK TƠ LUNG, HUYỆN KON RẪY**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVPTR ngày tháng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

| TT                                        | Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng | Thôn   | Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha) | Diện tích được chi trả DVMTR (ha) | Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha) | Số tiền được chi trả (đồng) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
| [1]                                       | [2]                                  | [3]    | [4]                                | [5]                               | [6]                                      | [7] = [5]x[6]               |
| <b>Tổng cộng 433 hộ gia đình, cá nhân</b> |                                      |        | <b>6.097,71</b>                    | <b>5.487,94</b>                   |                                          | <b>4.199.496.103</b>        |
| <b>I</b>                                  | <b>Đã mở tài khoản ngân hàng</b>     |        | <b>5.970,57</b>                    | <b>5.373,51</b>                   |                                          | <b>4.110.286.400</b>        |
| 1                                         | A Đoa                                | Thôn 1 | 14,15                              | 12,74                             | 747.489                                  | 9.519.271                   |
| 2                                         | A Đrung                              | Thôn 1 | 13,09                              | 11,78                             | 747.489                                  | 8.806.167                   |
| 3                                         | A Bông                               | Thôn 1 | 14,87                              | 13,38                             | 747.489                                  | 10.003.645                  |
| 4                                         | A Bin                                | Thôn 1 | 14,45                              | 13,01                             | 747.489                                  | 9.721.094                   |
| 5                                         | A Bửh                                | Thôn 1 | 14,00                              | 12,60                             | 747.489                                  | 9.418.360                   |
| 6                                         | A Bía                                | Thôn 1 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 7                                         | A Bít                                | Thôn 1 | 14,95                              | 13,46                             | 747.489                                  | 10.057.463                  |
| 8                                         | A Chiến                              | Thôn 1 | 14,39                              | 12,95                             | 747.489                                  | 9.680.729                   |
| 9                                         | A Hằng                               | Thôn 1 | 14,88                              | 13,39                             | 747.489                                  | 10.010.372                  |
| 10                                        | A Hân (A)                            | Thôn 1 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 11                                        | A Hân (B)                            | Thôn 1 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 12                                        | A Hai                                | Thôn 1 | 14,74                              | 13,27                             | 747.489                                  | 9.916.188                   |

| <b>TT</b> | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|-----------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| [1]       | [2]                                         | [3]         | [4]                                       | [5]                                      | [6]                                             | [7] = [5]x[6]                      |
| 13        | A Hiệp                                      | Thôn 1      | 14,90                                     | 13,41                                    | 747.489                                         | 10.023.826                         |
| 14        | A Hraì                                      | Thôn 1      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.909                          |
| 15        | A Hrun                                      | Thôn 1      | 14,99                                     | 13,49                                    | 747.489                                         | 10.084.373                         |
| 16        | A Kam                                       | Thôn 1      | 14,02                                     | 12,62                                    | 747.489                                         | 9.431.816                          |
| 17        | A Lang                                      | Thôn 1      | 13,71                                     | 12,34                                    | 747.489                                         | 9.223.266                          |
| 18        | A Liều                                      | Thôn 1      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 19        | A Lê                                        | Thôn 1      | 14,61                                     | 13,15                                    | 747.489                                         | 9.828.732                          |
| 20        | A Loang                                     | Thôn 1      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 21        | A Lúc                                       | Thôn 1      | 14,97                                     | 13,47                                    | 747.489                                         | 10.070.918                         |
| 22        | A Ngân                                      | Thôn 1      | 13,79                                     | 12,41                                    | 747.489                                         | 9.277.085                          |
| 23        | A Ngrói                                     | Thôn 1      | 13,00                                     | 11,70                                    | 747.489                                         | 8.745.621                          |
| 24        | A Nhắt (A)                                  | Thôn 1      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.909                          |
| 25        | A Nura                                      | Thôn 1      | 14,65                                     | 13,19                                    | 747.489                                         | 9.855.642                          |
| 26        | A Pép                                       | Thôn 1      | 13,19                                     | 11,87                                    | 747.489                                         | 8.873.441                          |
| 27        | A Pel                                       | Thôn 1      | 14,30                                     | 12,87                                    | 747.489                                         | 9.620.183                          |
| 28        | A Phik                                      | Thôn 1      | 12,72                                     | 11,45                                    | 747.489                                         | 8.557.254                          |
| 29        | A Pêh                                       | Thôn 1      | 14,88                                     | 13,39                                    | 747.489                                         | 10.010.372                         |
| 30        | A Song                                      | Thôn 1      | 14,67                                     | 13,20                                    | 747.489                                         | 9.869.097                          |
| 31        | A Thang                                     | Thôn 1      | 14,77                                     | 13,29                                    | 747.489                                         | 9.936.371                          |
| 32        | A Thìn                                      | Thôn 1      | 14,02                                     | 12,62                                    | 747.489                                         | 9.431.816                          |
| 33        | A Vinh                                      | Thôn 1      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 34        | A Vít                                       | Thôn 1      | 14,78                                     | 13,30                                    | 747.489                                         | 9.943.098                          |
| 35        | Hồ Thị Nghĩa                                | Thôn 1      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 36        | Ngô Văn Đạt                                 | Thôn 1      | 13,81                                     | 12,43                                    | 747.489                                         | 9.290.540                          |
| 37        | Nguyễn Văn Bản                              | Thôn 1      | 14,66                                     | 13,19                                    | 747.489                                         | 9.862.369                          |

| <b>TT</b> | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|-----------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| [1]       | [2]                                         | [3]         | [4]                                       | [5]                                      | [6]                                             | [7] = [5]x[6]                      |
| 38        | Phạm Văn Triên                              | Thôn 1      | 14,05                                     | 12,65                                    | 747.489                                         | 9.451.998                          |
| 39        | Trần Xuân Lí                                | Thôn 1      | 14,99                                     | 13,49                                    | 747.489                                         | 10.084.373                         |
| 40        | Trần Xuân Nghĩa                             | Thôn 1      | 13,03                                     | 11,73                                    | 747.489                                         | 8.765.803                          |
| 41        | U Dê                                        | Thôn 1      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 42        | Y Brúa                                      | Thôn 1      | 14,71                                     | 13,24                                    | 747.489                                         | 9.896.006                          |
| 43        | A Đên                                       | Thôn 2      | 11,87                                     | 10,68                                    | 747.489                                         | 7.985.425                          |
| 44        | A Đeo                                       | Thôn 2      | 13,52                                     | 12,17                                    | 747.489                                         | 9.095.446                          |
| 45        | A Đỉnh (a)                                  | Thôn 2      | 13,64                                     | 12,28                                    | 747.489                                         | 9.176.174                          |
| 46        | A Đỉnh (b)                                  | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 47        | A Đủ                                        | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 48        | A Đỉ                                        | Thôn 2      | 14,60                                     | 13,14                                    | 747.489                                         | 9.822.005                          |
| 49        | Y Đuông                                     | Thôn 2      | 14,60                                     | 13,14                                    | 747.489                                         | 9.822.005                          |
| 50        | A Bông                                      | Thôn 2      | 14,90                                     | 13,41                                    | 747.489                                         | 10.023.826                         |
| 51        | A Bên                                       | Thôn 2      | 14,53                                     | 13,08                                    | 747.489                                         | 9.774.913                          |
| 52        | A Bay                                       | Thôn 2      | 10,06                                     | 9,05                                     | 747.489                                         | 6.767.765                          |
| 53        | A Bấy                                       | Thôn 2      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.361                          |
| 54        | A Brông                                     | Thôn 2      | 14,70                                     | 13,23                                    | 747.489                                         | 9.889.279                          |
| 55        | A Bre                                       | Thôn 2      | 12,60                                     | 11,34                                    | 747.489                                         | 8.476.524                          |
| 56        | A Bring                                     | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 57        | A Bung                                      | Thôn 2      | 14,61                                     | 13,15                                    | 747.489                                         | 9.828.732                          |
| 58        | A Cự                                        | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 59        | A Dêh                                       | Thôn 2      | 11,55                                     | 10,40                                    | 747.489                                         | 7.770.147                          |
| 60        | A Hội                                       | Thôn 2      | 14,47                                     | 13,02                                    | 747.489                                         | 9.734.548                          |
| 61        | A He                                        | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 62        | A Hia                                       | Thôn 2      | 14,45                                     | 13,01                                    | 747.489                                         | 9.721.093                          |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 63         | A Hiang                                     | Thôn 2      | 14,88                                     | 13,39                                    | 747.489                                         | 10.010.372                         |
| 64         | A Hnâm                                      | Thôn 2      | 14,86                                     | 13,37                                    | 747.489                                         | 9.996.917                          |
| 65         | A HNgRết                                    | Thôn 2      | 14,55                                     | 13,10                                    | 747.489                                         | 9.788.368                          |
| 66         | A Hor                                       | Thôn 2      | 14,31                                     | 12,88                                    | 747.489                                         | 9.626.910                          |
| 67         | A Kang                                      | Thôn 2      | 14,95                                     | 13,46                                    | 747.489                                         | 10.057.464                         |
| 68         | A Khăn                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 69         | A Khê                                       | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 70         | A Kiêu                                      | Thôn 2      | 14,50                                     | 13,05                                    | 747.489                                         | 9.754.730                          |
| 71         | A Kló                                       | Thôn 2      | 14,86                                     | 13,37                                    | 831.917                                         | 11.126.063                         |
| 72         | A Kủ                                        | Thôn 2      | 14,50                                     | 13,05                                    | 747.489                                         | 9.754.731                          |
| 73         | A Kram                                      | Thôn 2      | 14,65                                     | 13,19                                    | 747.489                                         | 9.855.642                          |
| 74         | A Kun                                       | Thôn 2      | 13,89                                     | 12,50                                    | 747.489                                         | 9.344.359                          |
| 75         | A Lam                                       | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 76         | A Lên                                       | Thôn 2      | 13,41                                     | 12,07                                    | 747.489                                         | 9.021.444                          |
| 77         | A Lanh                                      | Thôn 2      | 13,71                                     | 12,34                                    | 747.489                                         | 9.223.266                          |
| 78         | A Lố                                        | Thôn 2      | 13,74                                     | 12,37                                    | 747.489                                         | 9.243.448                          |
| 79         | A Liễu                                      | Thôn 2      | 14,63                                     | 13,17                                    | 747.489                                         | 9.842.187                          |
| 80         | A Long                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 81         | A Lút                                       | Thôn 2      | 12,61                                     | 11,35                                    | 747.489                                         | 8.483.252                          |
| 82         | A Líp                                       | Thôn 2      | 13,56                                     | 12,20                                    | 747.489                                         | 9.122.355                          |
| 83         | A Mét                                       | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 84         | A Múc                                       | Thôn 2      | 14,60                                     | 13,14                                    | 747.489                                         | 9.822.005                          |
| 85         | A Mrim                                      | Thôn 2      | 14,17                                     | 12,75                                    | 747.489                                         | 9.532.727                          |
| 86         | A Nay                                       | Thôn 2      | 13,09                                     | 11,78                                    | 747.489                                         | 8.806.167                          |
| 87         | A Ngai                                      | Thôn 2      | 14,42                                     | 12,98                                    | 831.917                                         | 10.796.623                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 88         | A Ngók                                      | Thôn 2      | 13,82                                     | 12,44                                    | 747.489                                         | 9.297.268                          |
| 89         | A Ngeng                                     | Thôn 2      | 10,86                                     | 9,77                                     | 747.489                                         | 7.305.957                          |
| 90         | A Ngré                                      | Thôn 2      | 12,99                                     | 11,69                                    | 747.489                                         | 8.738.893                          |
| 91         | A Nhiên                                     | Thôn 2      | 14,19                                     | 12,77                                    | 747.489                                         | 9.546.181                          |
| 92         | A Nhóp                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 93         | A NhRo                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 94         | A Ni                                        | Thôn 2      | 14,45                                     | 13,01                                    | 747.489                                         | 9.721.094                          |
| 95         | A Nia                                       | Thôn 2      | 14,55                                     | 13,10                                    | 747.489                                         | 9.788.368                          |
| 96         | A Ning                                      | Thôn 2      | 14,06                                     | 12,65                                    | 747.489                                         | 9.458.725                          |
| 97         | A Ủy                                        | Thôn 2      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.361                          |
| 98         | A Pich                                      | Thôn 2      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.909                          |
| 99         | A Pík                                       | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 100        | A Rít                                       | Thôn 2      | 14,37                                     | 12,93                                    | 747.489                                         | 9.667.275                          |
| 101        | A Thái                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 102        | A Thành                                     | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 103        | A Thuận                                     | Thôn 2      | 14,50                                     | 13,05                                    | 747.489                                         | 9.754.731                          |
| 104        | A Tẻ                                        | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 105        | A Vin                                       | Thôn 2      | 14,99                                     | 13,49                                    | 747.489                                         | 10.084.373                         |
| 106        | Rô Mai Hia                                  | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 107        | Y Đanh                                      | Thôn 2      | 14,70                                     | 13,23                                    | 747.489                                         | 9.889.279                          |
| 108        | Y Đum                                       | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 109        | Y Beo                                       | Thôn 2      | 14,80                                     | 13,32                                    | 747.489                                         | 9.956.552                          |
| 110        | Y Biang                                     | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 111        | Y Hon                                       | Thôn 2      | 14,50                                     | 13,05                                    | 747.489                                         | 9.754.731                          |
| 112        | Y Múi                                       | Thôn 2      | 14,15                                     | 12,74                                    | 831.917                                         | 10.594.467                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 113        | Y Muôi                                      | Thôn 2      | 13,37                                     | 12,03                                    | 747.489                                         | 8.994.535                          |
| 114        | Y úy                                        | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 115        | Y Vâng                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 116        | Y Xăng                                      | Thôn 2      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 117        | Đinh Hồng Dương                             | Thôn 3      | 14,30                                     | 12,87                                    | 747.489                                         | 9.620.183                          |
| 118        | Đinh Hồng Tha                               | Thôn 3      | 14,23                                     | 12,81                                    | 831.917                                         | 10.654.366                         |
| 119        | A Đá                                        | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 120        | A Đỏ                                        | Thôn 3      | 14,76                                     | 13,28                                    | 747.489                                         | 9.929.643                          |
| 121        | A Brấp                                      | Thôn 3      | 14,99                                     | 13,49                                    | 831.917                                         | 11.223.396                         |
| 122        | A Đré                                       | Thôn 3      | 14,47                                     | 13,02                                    | 747.489                                         | 9.734.548                          |
| 123        | A Đrè                                       | Thôn 3      | 14,97                                     | 13,47                                    | 831.917                                         | 11.208.422                         |
| 124        | A Đrẽ                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 125        | A Đríá                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 126        | A Bôm                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 127        | A Bông                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 128        | A Ban                                       | Thôn 3      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.360                          |
| 129        | A Bên                                       | Thôn 3      | 14,37                                     | 12,93                                    | 831.917                                         | 10.759.187                         |
| 130        | A Bẫy                                       | Thôn 3      | 14,91                                     | 13,42                                    | 747.489                                         | 10.030.554                         |
| 131        | A Binh                                      | Thôn 3      | 13,00                                     | 11,70                                    | 747.489                                         | 8.745.620                          |
| 132        | A Brang                                     | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 133        | A Dát                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 134        | A Dâng                                      | Thôn 3      | 13,96                                     | 12,56                                    | 747.489                                         | 9.391.451                          |
| 135        | A Duân                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 136        | A Dững                                      | Thôn 3      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.361                          |
| 137        | A Gấp                                       | Thôn 3      | 14,23                                     | 12,81                                    | 831.917                                         | 10.654.366                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 138        | A Hải                                       | Thôn 3      | 14,43                                     | 12,99                                    | 831.917                                         | 10.804.111                         |
| 139        | A Học                                       | Thôn 3      | 14,72                                     | 13,25                                    | 747.489                                         | 9.902.733                          |
| 140        | A Hiêm                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 141        | A Hri                                       | Thôn 3      | 14,71                                     | 13,24                                    | 831.917                                         | 11.013.753                         |
| 142        | A Ka                                        | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 143        | A Lan                                       | Thôn 3      | 14,63                                     | 13,17                                    | 747.489                                         | 9.842.187                          |
| 144        | A Lin                                       | Thôn 3      | 14,90                                     | 13,41                                    | 747.489                                         | 10.023.826                         |
| 145        | A Loar                                      | Thôn 3      | 14,79                                     | 13,31                                    | 747.489                                         | 9.949.825                          |
| 146        | A Lom                                       | Thôn 3      | 14,97                                     | 13,47                                    | 747.489                                         | 10.070.918                         |
| 147        | A Luâng                                     | Thôn 3      | 13,90                                     | 12,51                                    | 831.917                                         | 10.407.286                         |
| 148        | A Lực                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 149        | A Mai                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 150        | A Meo                                       | Thôn 3      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.360                          |
| 151        | A Na                                        | Thôn 3      | 14,92                                     | 13,43                                    | 747.489                                         | 10.037.281                         |
| 152        | A Nam                                       | Thôn 3      | 14,52                                     | 13,07                                    | 747.489                                         | 9.768.186                          |
| 153        | A Nêm                                       | Thôn 3      | 14,57                                     | 13,11                                    | 747.489                                         | 9.801.823                          |
| 154        | A Ngâm                                      | Thôn 3      | 14,73                                     | 13,26                                    | 747.489                                         | 9.909.461                          |
| 155        | A Nga                                       | Thôn 3      | 14,78                                     | 13,30                                    | 747.489                                         | 9.943.098                          |
| 156        | A Ngút                                      | Thôn 3      | 12,68                                     | 11,41                                    | 747.489                                         | 8.530.344                          |
| 157        | A Nhất                                      | Thôn 3      | 14,26                                     | 12,83                                    | 747.489                                         | 9.593.273                          |
| 158        | A Nhua                                      | Thôn 3      | 14,43                                     | 12,99                                    | 831.917                                         | 10.804.110                         |
| 159        | A Prề                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 160        | A Qua                                       | Thôn 3      | 14,96                                     | 13,46                                    | 747.489                                         | 10.064.191                         |
| 161        | A Rang                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 162        | A Thanh                                     | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 163        | A Thẻ                                       | Thôn 3      | 14,09                                     | 12,68                                    | 831.917                                         | 10.549.543                         |
| 164        | A Tiên                                      | Thôn 3      | 14,86                                     | 13,37                                    | 831.917                                         | 11.126.063                         |
| 165        | A Túc                                       | Thôn 3      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.361                          |
| 166        | A Trang                                     | Thôn 3      | 13,55                                     | 12,20                                    | 831.917                                         | 10.145.232                         |
| 167        | Nguyễn Thị Hiền                             | Thôn 3      | 13,34                                     | 12,01                                    | 747.489                                         | 8.974.352                          |
| 168        | Y Ai                                        | Thôn 3      | 14,98                                     | 13,48                                    | 831.917                                         | 11.215.909                         |
| 169        | Y Brô                                       | Thôn 3      | 14,94                                     | 13,45                                    | 747.489                                         | 10.050.736                         |
| 170        | Y Grec                                      | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 171        | Y Hlá                                       | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 172        | Y HLân                                      | Thôn 3      | 14,99                                     | 13,49                                    | 831.917                                         | 11.223.396                         |
| 173        | Y Khanh                                     | Thôn 3      | 14,94                                     | 13,45                                    | 747.489                                         | 10.050.736                         |
| 174        | Y Liang                                     | Thôn 3      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 175        | Y Rong                                      | Thôn 3      | 14,03                                     | 12,63                                    | 831.917                                         | 10.504.620                         |
| 176        | Y Tang                                      | Thôn 3      | 11,58                                     | 10,42                                    | 747.489                                         | 7.790.329                          |
| 177        | Đinh Tiên                                   | Thôn 4      | 14,29                                     | 12,86                                    | 747.489                                         | 9.613.455                          |
| 178        | A Đông                                      | Thôn 4      | 14,40                                     | 12,96                                    | 747.489                                         | 9.687.456                          |
| 179        | A Đang                                      | Thôn 4      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.908                          |
| 180        | A Đường                                     | Thôn 4      | 14,60                                     | 13,14                                    | 852.675                                         | 11.204.144                         |
| 181        | A Đin                                       | Thôn 4      | 14,98                                     | 13,48                                    | 852.675                                         | 11.495.759                         |
| 182        | A Bầy                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 183        | A Bay                                       | Thôn 4      | 14,61                                     | 13,15                                    | 747.489                                         | 9.828.732                          |
| 184        | A Bân                                       | Thôn 4      | 14,79                                     | 13,31                                    | 852.675                                         | 11.349.951                         |
| 185        | A Bó                                        | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 186        | A Bia                                       | Thôn 4      | 14,97                                     | 13,47                                    | 852.675                                         | 11.488.085                         |
| 187        | A Boát                                      | Thôn 4      | 14,13                                     | 12,72                                    | 747.489                                         | 9.505.817                          |



| TT  | Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng | Thôn   | Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha) | Diện tích được chi trả DVMTR (ha) | Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha) | Số tiền được chi trả (đồng) |
|-----|--------------------------------------|--------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
| [1] | [2]                                  | [3]    | [4]                                | [5]                               | [6]                                      | [7] = [5]x[6]               |
| 188 | A Bép                                | Thôn 4 | 12,00                              | 10,80                             | 747.489                                  | 8.072.880                   |
| 189 | A Bria                               | Thôn 4 | 14,39                              | 12,95                             | 747.489                                  | 9.680.729                   |
| 190 | A Bung                               | Thôn 4 | 14,30                              | 12,87                             | 747.489                                  | 9.620.182                   |
| 191 | A Bía                                | Thôn 4 | 14,38                              | 12,94                             | 852.675                                  | 11.035.314                  |
| 192 | A Chong                              | Thôn 4 | 14,31                              | 12,88                             | 747.489                                  | 9.626.910                   |
| 193 | A Chró                               | Thôn 4 | 14,02                              | 12,62                             | 747.489                                  | 9.431.815                   |
| 194 | A Dày                                | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 852.675                                  | 11.511.107                  |
| 195 | A Dung                               | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 196 | A Gang                               | Thôn 4 | 14,68                              | 13,21                             | 852.675                                  | 11.265.537                  |
| 197 | A Gung                               | Thôn 4 | 14,43                              | 12,99                             | 852.675                                  | 11.073.685                  |
| 198 | A Hòn                                | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 199 | A Hỏa                                | Thôn 4 | 14,04                              | 12,64                             | 852.675                                  | 10.774.396                  |
| 200 | A Hội                                | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 201 | A Hùng                               | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 202 | A Hnâm                               | Thôn 4 | 14,01                              | 12,61                             | 852.675                                  | 10.751.374                  |
| 203 | A HNgrăh                             | Thôn 4 | 11,67                              | 10,50                             | 747.489                                  | 7.850.876                   |
| 204 | A Hoàn                               | Thôn 4 | 13,80                              | 12,42                             | 747.489                                  | 9.283.812                   |
| 205 | A Kiên                               | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 852.675                                  | 11.511.107                  |
| 206 | A Kreng                              | Thôn 4 | 14,33                              | 12,90                             | 852.675                                  | 10.996.944                  |
| 207 | A Lông                               | Thôn 4 | 14,05                              | 12,65                             | 815.242                                  | 10.308.735                  |
| 208 | A Leo                                | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 209 | A Lợi                                | Thôn 4 | 14,58                              | 13,12                             | 852.675                                  | 11.188.796                  |
| 210 | A Liễu                               | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 211 | A Loa                                | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 212 | A Loang                              | Thôn 4 | 14,37                              | 12,93                             | 852.675                                  | 11.027.640                  |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 213        | A Long                                      | Thôn 4      | 14,66                                     | 13,19                                    | 747.489                                         | 9.862.369                          |
| 214        | A Môn                                       | Thôn 4      | 14,09                                     | 12,68                                    | 852.675                                         | 10.812.766                         |
| 215        | A Mép                                       | Thôn 4      | 14,30                                     | 12,87                                    | 747.489                                         | 9.620.182                          |
| 216        | A Miu                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 217        | A Mép                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 218        | A Na                                        | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 219        | A Ngộ                                       | Thôn 4      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.360                          |
| 220        | A Nghiệp                                    | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 221        | A Nglei                                     | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 222        | A Ngriêng                                   | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 223        | A Ngrút                                     | Thôn 4      | 14,61                                     | 13,15                                    | 747.489                                         | 9.828.732                          |
| 224        | A Nguyên                                    | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 225        | A Nhong                                     | Thôn 4      | 14,97                                     | 13,47                                    | 747.489                                         | 10.070.918                         |
| 226        | A Nhau                                      | Thôn 4      | 14,92                                     | 13,43                                    | 852.675                                         | 11.449.714                         |
| 227        | A Nhel                                      | Thôn 4      | 14,73                                     | 13,26                                    | 852.675                                         | 11.303.907                         |
| 228        | A Niên                                      | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 229        | A Pang                                      | Thôn 4      | 14,50                                     | 13,05                                    | 747.489                                         | 9.754.730                          |
| 230        | A Phiên                                     | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 231        | A Tham                                      | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 232        | A Thu                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 233        | A Tiêng                                     | Thôn 4      | 14,77                                     | 13,29                                    | 747.489                                         | 9.936.370                          |
| 234        | A Trường                                    | Thôn 4      | 14,61                                     | 13,15                                    | 852.675                                         | 11.211.818                         |
| 235        | A Trun                                      | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 236        | A Viên                                      | Thôn 4      | 14,11                                     | 12,70                                    | 747.489                                         | 9.492.362                          |
| 237        | A Vế                                        | Thôn 4      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.908                          |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 238        | A Wik                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 239        | Nguyễn Đức Tâm                              | Thôn 4      | 13,64                                     | 12,28                                    | 852.675                                         | 10.467.433                         |
| 240        | Nguyễn Đức Tuyền                            | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 241        | U Đê                                        | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 242        | U Báu                                       | Thôn 4      | 14,68                                     | 13,21                                    | 747.489                                         | 9.875.824                          |
| 243        | U Luôn                                      | Thôn 4      | 14,50                                     | 13,05                                    | 852.675                                         | 11.127.403                         |
| 244        | U Phi                                       | Thôn 4      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 245        | Y Bó                                        | Thôn 4      | 13,85                                     | 12,47                                    | 852.675                                         | 10.628.589                         |
| 246        | Y Lê                                        | Thôn 4      | 14,63                                     | 13,17                                    | 852.675                                         | 11.227.166                         |
| 247        | Y Nêm                                       | Thôn 4      | 14,19                                     | 12,77                                    | 747.489                                         | 9.546.181                          |
| 248        | A Đe                                        | Thôn 5      | 12,45                                     | 11,21                                    | 747.489                                         | 8.375.613                          |
| 249        | A Đic                                       | Thôn 5      | 14,22                                     | 12,80                                    | 831.917                                         | 10.646.878                         |
| 250        | A Bông                                      | Thôn 5      | 14,60                                     | 13,14                                    | 831.917                                         | 10.931.394                         |
| 251        | A Bắ                                        | Thôn 5      | 14,09                                     | 12,68                                    | 831.917                                         | 10.549.543                         |
| 252        | A Biông                                     | Thôn 5      | 13,30                                     | 11,97                                    | 831.917                                         | 9.958.050                          |
| 253        | A Biên                                      | Thôn 5      | 14,96                                     | 13,46                                    | 831.917                                         | 11.200.935                         |
| 254        | A Biệt                                      | Thôn 5      | 14,58                                     | 13,12                                    | 747.489                                         | 9.808.550                          |
| 255        | A Bum                                       | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 256        | A Chia                                      | Thôn 5      | 14,91                                     | 13,42                                    | 747.489                                         | 10.030.554                         |
| 257        | A Dim                                       | Thôn 5      | 13,55                                     | 12,20                                    | 831.917                                         | 10.145.232                         |
| 258        | A Duế                                       | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 259        | A Hế                                        | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 260        | A Kế                                        | Thôn 5      | 14,11                                     | 12,70                                    | 747.489                                         | 9.492.362                          |
| 261        | A KLêh                                      | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 262        | A Lép                                       | Thôn 5      | 14,61                                     | 13,15                                    | 747.489                                         | 9.828.732                          |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 263        | A Liêk                                      | Thôn 5      | 14,85                                     | 13,37                                    | 747.489                                         | 9.990.189                          |
| 264        | A Liêng                                     | Thôn 5      | 12,20                                     | 10,98                                    | 831.917                                         | 9.134.452                          |
| 265        | A Luang                                     | Thôn 5      | 14,04                                     | 12,64                                    | 831.917                                         | 10.512.107                         |
| 266        | A Lía                                       | Thôn 5      | 14,09                                     | 12,68                                    | 747.489                                         | 9.478.907                          |
| 267        | A Ngông                                     | Thôn 5      | 14,88                                     | 13,39                                    | 747.489                                         | 10.010.372                         |
| 268        | A Ngai                                      | Thôn 5      | 13,50                                     | 12,15                                    | 824.225                                         | 10.014.333                         |
| 269        | A Ngan                                      | Thôn 5      | 14,97                                     | 13,47                                    | 831.917                                         | 11.208.422                         |
| 270        | A Nghi                                      | Thôn 5      | 14,28                                     | 12,85                                    | 831.917                                         | 10.691.801                         |
| 271        | A Nghị                                      | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |
| 272        | A Nghĩa                                     | Thôn 5      | 14,45                                     | 13,01                                    | 831.917                                         | 10.819.085                         |
| 273        | A Nhiêu                                     | Thôn 5      | 14,95                                     | 13,46                                    | 831.917                                         | 11.193.447                         |
| 274        | A Ninh                                      | Thôn 5      | 13,00                                     | 11,70                                    | 747.489                                         | 8.745.620                          |
| 275        | A Piêu                                      | Thôn 5      | 14,55                                     | 13,10                                    | 747.489                                         | 9.788.367                          |
| 276        | A Rập                                       | Thôn 5      | 14,52                                     | 13,07                                    | 831.917                                         | 10.871.495                         |
| 277        | A Rao                                       | Thôn 5      | 13,83                                     | 12,45                                    | 747.489                                         | 9.303.995                          |
| 278        | A Riê                                       | Thôn 5      | 14,88                                     | 13,39                                    | 831.917                                         | 11.141.037                         |
| 279        | A Rủih                                      | Thôn 5      | 11,14                                     | 10,03                                    | 747.489                                         | 7.494.324                          |
| 280        | A Toi                                       | Thôn 5      | 14,59                                     | 13,13                                    | 831.917                                         | 10.923.906                         |
| 281        | A Than                                      | Thôn 5      | 12,52                                     | 11,27                                    | 747.489                                         | 8.422.705                          |
| 282        | A Tiêng                                     | Thôn 5      | 14,78                                     | 13,30                                    | 831.917                                         | 11.066.164                         |
| 283        | A Văn                                       | Thôn 5      | 14,64                                     | 13,18                                    | 831.917                                         | 10.961.343                         |
| 284        | A Ven                                       | Thôn 5      | 14,06                                     | 12,65                                    | 747.489                                         | 9.458.725                          |
| 285        | A ít                                        | Thôn 5      | 14,53                                     | 13,08                                    | 831.917                                         | 10.878.983                         |
| 286        | U Mør                                       | Thôn 5      | 14,73                                     | 13,26                                    | 747.489                                         | 9.909.461                          |
| 287        | U Miên                                      | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 831.917                                         | 11.230.884                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 288        | Y Đók                                       | Thôn 5      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.360                          |
| 289        | Y Hla                                       | Thôn 5      | 14,86                                     | 13,37                                    | 747.489                                         | 9.996.917                          |
| 290        | Y Leo                                       | Thôn 5      | 8,67                                      | 7,80                                     | 747.489                                         | 5.832.656                          |
| 291        | Y Liang                                     | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 292        | Y Nháng                                     | Thôn 5      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 293        | Y Ruô                                       | Thôn 5      | 14,64                                     | 13,18                                    | 747.489                                         | 9.848.914                          |
| 294        | Đinh Văn Blếch                              | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 295        | A Đro                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 296        | A Bẫy                                       | Thôn 6      | 14,92                                     | 13,43                                    | 747.489                                         | 10.037.281                         |
| 297        | A Dáo                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 298        | A Dai                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 299        | A Dững                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 300        | A Hải                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 301        | A Hình                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 302        | A Huýt                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 303        | A Kun                                       | Thôn 6      | 13,45                                     | 12,11                                    | 747.489                                         | 9.048.353                          |
| 304        | A Liêng                                     | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 305        | A Long                                      | Thôn 6      | 14,42                                     | 12,98                                    | 747.489                                         | 9.700.911                          |
| 306        | A Luôl                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 307        | A Nghĩa                                     | Thôn 6      | 14,90                                     | 13,41                                    | 747.489                                         | 10.023.826                         |
| 308        | A Nhue                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 309        | A Nhưr                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 310        | A Pêng                                      | Thôn 6      | 14,20                                     | 12,78                                    | 747.489                                         | 9.552.908                          |
| 311        | A Pé                                        | Thôn 6      | 14,70                                     | 13,23                                    | 747.489                                         | 9.889.278                          |
| 312        | A Viu                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 313        | A Xré                                       | Thôn 6      | 14,00                                     | 12,60                                    | 747.489                                         | 9.418.360                          |
| 314        | U Hóa                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 315        | U Nguynh                                    | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 316        | U Thị Ngày                                  | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 317        | Y Đó                                        | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 318        | Y Chuân                                     | Thôn 6      | 14,36                                     | 12,92                                    | 747.489                                         | 9.660.547                          |
| 319        | Y Dân                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 320        | Y ék                                        | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 321        | Y Lang                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 322        | Y Píp                                       | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 323        | Y Thương                                    | Thôn 6      | 14,71                                     | 13,24                                    | 747.489                                         | 9.896.006                          |
| 324        | Y Xing                                      | Thôn 6      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 325        | A Đâng                                      | Thôn 7      | 14,36                                     | 12,92                                    | 831.917                                         | 10.751.699                         |
| 326        | A Điễm                                      | Thôn 7      | 13,84                                     | 12,46                                    | 747.489                                         | 9.310.722                          |
| 327        | A Hải                                       | Thôn 7      | 14,99                                     | 13,49                                    | 747.489                                         | 10.084.373                         |
| 328        | A Hộc                                       | Thôn 7      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 329        | A HLong                                     | Thôn 7      | 14,63                                     | 13,17                                    | 747.489                                         | 9.842.187                          |
| 330        | A Hế                                        | Thôn 7      | 11,31                                     | 10,18                                    | 747.489                                         | 7.608.690                          |
| 331        | A Hría                                      | Thôn 7      | 14,49                                     | 13,04                                    | 831.917                                         | 10.849.034                         |
| 332        | A Khó                                       | Thôn 7      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 333        | A Khun                                      | Thôn 7      | 14,60                                     | 13,14                                    | 747.489                                         | 9.822.004                          |
| 334        | A Liều                                      | Thôn 7      | 10,94                                     | 9,85                                     | 747.489                                         | 7.359.776                          |
| 335        | A Long                                      | Thôn 7      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 336        | A Lu                                        | Thôn 7      | 14,14                                     | 12,73                                    | 747.489                                         | 9.512.544                          |
| 337        | A Nók                                       | Thôn 7      | 14,15                                     | 12,74                                    | 747.489                                         | 9.519.271                          |

| TT  | Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng | Thôn   | Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha) | Diện tích được chi trả DVMTR (ha) | Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha) | Số tiền được chi trả (đồng) |
|-----|--------------------------------------|--------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
| [1] | [2]                                  | [3]    | [4]                                | [5]                               | [6]                                      | [7] = [5]x[6]               |
| 338 | A Ngor                               | Thôn 7 | 14,58                              | 13,12                             | 747.489                                  | 9.808.550                   |
| 339 | A Ngun                               | Thôn 7 | 14,23                              | 12,81                             | 747.489                                  | 9.573.091                   |
| 340 | A Nhék                               | Thôn 7 | 14,98                              | 13,48                             | 831.917                                  | 11.215.909                  |
| 341 | A Noe                                | Thôn 7 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 342 | A Páp                                | Thôn 7 | 14,51                              | 13,06                             | 747.489                                  | 9.761.458                   |
| 343 | A Pâm                                | Thôn 7 | 14,55                              | 13,10                             | 747.489                                  | 9.788.367                   |
| 344 | A Phát                               | Thôn 7 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 345 | A Phai                               | Thôn 7 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 346 | A Phong                              | Thôn 7 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 347 | A PRéh                               | Thôn 7 | 14,80                              | 13,32                             | 747.489                                  | 9.956.552                   |
| 348 | A Sang                               | Thôn 7 | 13,76                              | 12,38                             | 747.489                                  | 9.256.903                   |
| 349 | A Thủy                               | Thôn 7 | 14,05                              | 12,65                             | 747.489                                  | 9.451.997                   |
| 350 | A Viên                               | Thôn 7 | 13,51                              | 12,16                             | 831.917                                  | 10.115.283                  |
| 351 | A Vinh                               | Thôn 7 | 14,96                              | 13,46                             | 747.489                                  | 10.064.191                  |
| 352 | A Vép                                | Thôn 7 | 13,26                              | 11,93                             | 831.917                                  | 9.928.101                   |
| 353 | A Xa                                 | Thôn 7 | 13,15                              | 11,84                             | 747.489                                  | 8.846.531                   |
| 354 | A Xum                                | Thôn 7 | 14,87                              | 13,38                             | 747.489                                  | 10.003.644                  |
| 355 | Phạm Văn Tều                         | Thôn 7 | 13,92                              | 12,53                             | 747.489                                  | 9.364.541                   |
| 356 | Y Đăng                               | Thôn 7 | 14,33                              | 12,90                             | 831.917                                  | 10.729.238                  |
| 357 | Y Đeo                                | Thôn 7 | 15,00                              | 13,50                             | 831.917                                  | 11.230.884                  |
| 358 | Y Huệ                                | Thôn 7 | 14,37                              | 12,93                             | 747.489                                  | 9.667.274                   |
| 359 | Y Thị ( <i>Nguyễn Văn Hùng</i> )     | Thôn 7 | 13,60                              | 12,24                             | 831.917                                  | 10.182.668                  |
| 360 | Đình Duy                             | Thôn 8 | 5,00                               | 4,50                              | 747.489                                  | 3.363.700                   |
| 361 | A Lang (a)                           | Thôn 8 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 362 | A Đường                              | Thôn 8 | 14,11                              | 12,70                             | 747.489                                  | 9.492.362                   |

| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 363        | A Đạt                                       | Thôn 8      | 14,80                                     | 13,32                                    | 747.489                                         | 9.956.552                          |
| 364        | A Điêng                                     | Thôn 8      | 9,81                                      | 8,83                                     | 747.489                                         | 6.599.580                          |
| 365        | A Đoang                                     | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 366        | A Doeh                                      | Thôn 8      | 13,75                                     | 12,38                                    | 747.489                                         | 9.250.175                          |
| 367        | A Bông                                      | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 368        | A Bây                                       | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 369        | A Bê                                        | Thôn 8      | 13,49                                     | 12,14                                    | 747.489                                         | 9.075.263                          |
| 370        | A Bao                                       | Thôn 8      | 8,97                                      | 8,07                                     | 747.489                                         | 6.034.478                          |
| 371        | A Bình                                      | Thôn 8      | 14,56                                     | 13,10                                    | 747.489                                         | 9.795.095                          |
| 372        | A Blý                                       | Thôn 8      | 12,08                                     | 10,87                                    | 747.489                                         | 8.126.699                          |
| 373        | A Bum                                       | Thôn 8      | 10,14                                     | 9,13                                     | 747.489                                         | 6.821.584                          |
| 374        | A Danh                                      | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 375        | A Dim                                       | Thôn 8      | 13,98                                     | 12,58                                    | 747.489                                         | 9.404.906                          |
| 376        | A Hằg                                       | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 377        | A Học                                       | Thôn 8      | 6,45                                      | 5,81                                     | 747.489                                         | 4.339.173                          |
| 378        | A Hao                                       | Thôn 8      | 14,71                                     | 13,24                                    | 747.489                                         | 9.896.006                          |
| 379        | A Hiên                                      | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 380        | A Hin                                       | Thôn 8      | 11,57                                     | 10,41                                    | 747.489                                         | 7.783.602                          |
| 381        | A Hing                                      | Thôn 8      | 14,92                                     | 13,43                                    | 747.489                                         | 10.037.281                         |
| 382        | A Hyót                                      | Thôn 8      | 9,77                                      | 8,79                                     | 747.489                                         | 6.572.670                          |
| 383        | A Hyor                                      | Thôn 8      | 10,53                                     | 9,48                                     | 747.489                                         | 7.083.952                          |
| 384        | A Jaih                                      | Thôn 8      | 12,29                                     | 11,06                                    | 747.489                                         | 8.267.975                          |
| 385        | A Jam                                       | Thôn 8      | 13,92                                     | 12,53                                    | 747.489                                         | 9.364.541                          |
| 386        | A Jem                                       | Thôn 8      | 14,49                                     | 13,04                                    | 747.489                                         | 9.748.003                          |
| 387        | A Kaỉh                                      | Thôn 8      | 14,44                                     | 13,00                                    | 747.489                                         | 9.714.366                          |



| <b>TT</b>  | <b>Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng</b> | <b>Thôn</b> | <b>Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)</b> | <b>Diện tích được chi trả DVMTR (ha)</b> | <b>Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)</b> | <b>Số tiền được chi trả (đồng)</b> |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>[1]</b> | <b>[2]</b>                                  | <b>[3]</b>  | <b>[4]</b>                                | <b>[5]</b>                               | <b>[6]</b>                                      | <b>[7] = [5]x[6]</b>               |
| 388        | A Kiều                                      | Thôn 8      | 8,18                                      | 7,36                                     | 747.489                                         | 5.503.013                          |
| 389        | A Lang b                                    | Thôn 8      | 14,99                                     | 13,49                                    | 747.489                                         | 10.084.373                         |
| 390        | A Ly                                        | Thôn 8      | 6,41                                      | 5,77                                     | 747.489                                         | 4.312.264                          |
| 391        | A Ná                                        | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 392        | A Ngót                                      | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 393        | A Nguông                                    | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 394        | A Nhi                                       | Thôn 8      | 7,34                                      | 6,61                                     | 747.489                                         | 4.937.912                          |
| 395        | A Nia                                       | Thôn 8      | 12,69                                     | 11,42                                    | 747.489                                         | 8.537.071                          |
| 396        | A Ník                                       | Thôn 8      | 11,32                                     | 10,19                                    | 747.489                                         | 7.615.417                          |
| 397        | A Prế                                       | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 398        | A Píp                                       | Thôn 8      | 14,82                                     | 13,34                                    | 747.489                                         | 9.970.007                          |
| 399        | A Sáp                                       | Thôn 8      | 7,93                                      | 7,14                                     | 747.489                                         | 5.334.828                          |
| 400        | A Sao (A)                                   | Thôn 8      | 11,21                                     | 10,09                                    | 747.489                                         | 7.541.416                          |
| 401        | A Sao (b)                                   | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 402        | A Sét                                       | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 403        | A Sế                                        | Thôn 8      | 14,37                                     | 12,93                                    | 747.489                                         | 9.667.274                          |
| 404        | A Soan                                      | Thôn 8      | 10,60                                     | 9,54                                     | 747.489                                         | 7.131.044                          |
| 405        | A Sự                                        | Thôn 8      | 6,77                                      | 6,09                                     | 747.489                                         | 4.554.450                          |
| 406        | A Sum                                       | Thôn 8      | 1,43                                      | 1,29                                     | 747.489                                         | 962.018                            |
| 407        | A Tác                                       | Thôn 8      | 8,81                                      | 7,93                                     | 747.489                                         | 5.926.840                          |
| 408        | A Tạo                                       | Thôn 8      | 1,62                                      | 1,46                                     | 747.489                                         | 1.089.839                          |
| 409        | A Thái a                                    | Thôn 8      | 3,26                                      | 2,93                                     | 747.489                                         | 2.193.132                          |
| 410        | A Thái b                                    | Thôn 8      | 12,30                                     | 11,07                                    | 747.489                                         | 8.274.702                          |
| 411        | A Thẻ                                       | Thôn 8      | 15,00                                     | 13,50                                    | 747.489                                         | 10.091.100                         |
| 412        | A Thing                                     | Thôn 8      | 13,74                                     | 12,37                                    | 747.489                                         | 9.243.448                          |

| TT        | Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng | Thôn   | Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha) | Diện tích được chi trả DVMTR (ha) | Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha) | Số tiền được chi trả (đồng) |
|-----------|--------------------------------------|--------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
| [1]       | [2]                                  | [3]    | [4]                                | [5]                               | [6]                                      | [7] = [5]x[6]               |
| 413       | A Thuân                              | Thôn 8 | 14,17                              | 12,75                             | 747.489                                  | 9.532.726                   |
| 414       | A Thuế                               | Thôn 8 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 415       | A Tien                               | Thôn 8 | 14,06                              | 12,65                             | 747.489                                  | 9.458.725                   |
| 416       | A Trah                               | Thôn 8 | 13,62                              | 12,26                             | 747.489                                  | 9.162.719                   |
| 417       | A Trih                               | Thôn 8 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 418       | A Vâng                               | Thôn 8 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 419       | A Vinh                               | Thôn 8 | 14,79                              | 13,31                             | 747.489                                  | 9.949.825                   |
| 420       | A Xanh                               | Thôn 8 | 14,48                              | 13,03                             | 747.489                                  | 9.741.276                   |
| 421       | Nguyễn Tiến Duy                      | Thôn 8 | 6,81                               | 6,13                              | 747.489                                  | 4.581.360                   |
| 422       | Y Ly Ly                              | Thôn 8 | 14,05                              | 12,65                             | 747.489                                  | 9.451.997                   |
| 423       | Y Na                                 | Thôn 8 | 14,97                              | 13,47                             | 747.489                                  | 10.070.918                  |
| 424       | Y Nhung                              | Thôn 8 | 9,67                               | 8,70                              | 747.489                                  | 6.505.396                   |
| <b>II</b> | <b>Chưa mở tài khoản ngân hàng</b>   |        | <b>127,14</b>                      | <b>114,43</b>                     |                                          | <b>89.209.703</b>           |
| 1         | A Nung                               | Thôn 2 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 2         | Y Mơi                                | Thôn 2 | 14,56                              | 13,10                             | 747.489                                  | 9.795.095                   |
| 3         | A Glen                               | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 4         | Y Ngoát                              | Thôn 4 | 15,00                              | 13,50                             | 852.675                                  | 11.511.107                  |
| 5         | A Bua                                | Thôn 5 | 11,13                              | 10,02                             | 747.489                                  | 7.487.596                   |
| 6         | A Ngõa                               | Thôn 5 | 15,00                              | 13,50                             | 831.917                                  | 11.230.884                  |
| 7         | A Điều                               | Thôn 7 | 14,71                              | 13,24                             | 831.917                                  | 11.013.753                  |
| 8         | A Trôk                               | Thôn 8 | 15,00                              | 13,50                             | 747.489                                  | 10.091.100                  |
| 9         | K Pa Thi                             | Thôn 8 | 11,74                              | 10,57                             | 747.489                                  | 7.897.968                   |

